CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Xây lắp Thừa Thiên Huế

Ngày 30/06/2025	15,950 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	11.5%	**1.3%**	**-2.4%**

DT thuần
Q2/25
85.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.4| 16.9%
YoY: ▼4.10| -4.6%

LN thuần
Q2/25
21.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.00| 49.8%
YoY: ▲ 1.00| 4.8%

LN sau thuế
Q2/25
17.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.30| 45.0%
YoY: ▲ 1.90| 12.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
24.5%
YoY: +/-▲ 4.3%

ROE (TTM)
Q2/25
9.4%
YoY: +/-▲ 0.1%

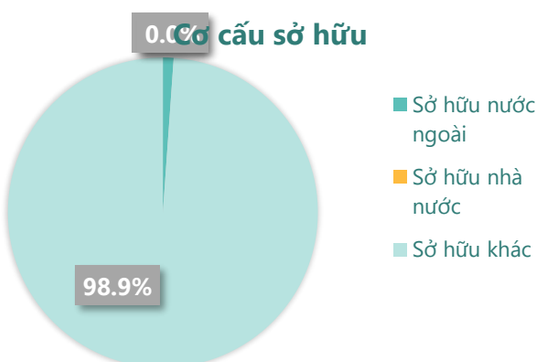
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	13,478 - 16,826
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	482
Số lượng CPLH (CP)	30,242,878
KLGD BQ 20 phiên (CP)	35,245
Sở hữu nước ngoài	1.1%
Beta	0.68
EPS	1,888
P/E	8.4

DT thuần
6T 2025
158
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.00| -4.3%

LN thuần
6T 2025
35.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.50| -21.5%

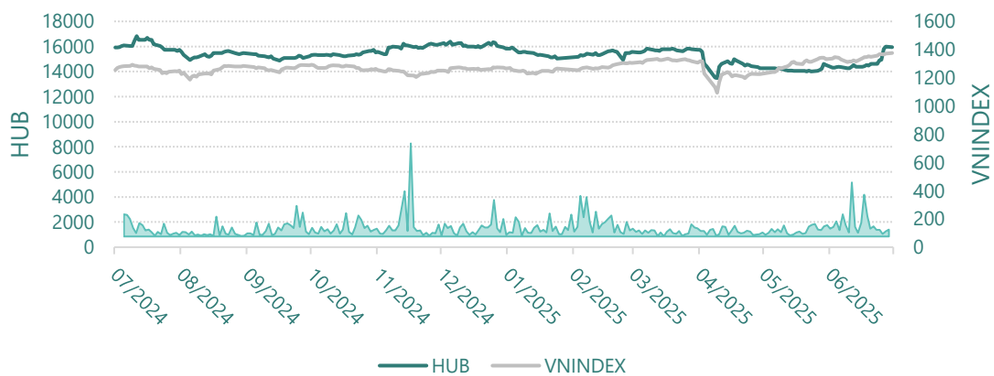
LN sau thuế
6T 2025
28.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.00| -17.1%

Cơ cấu sở hữu

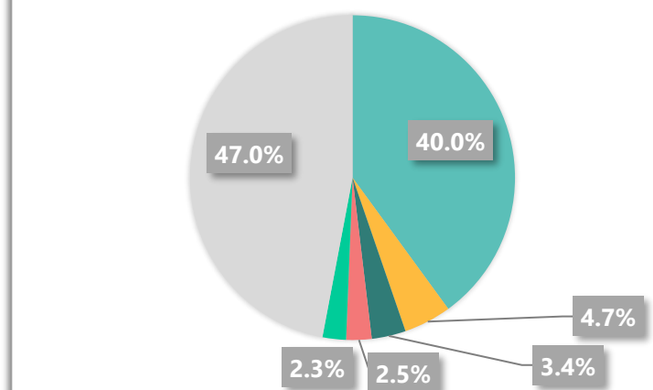


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



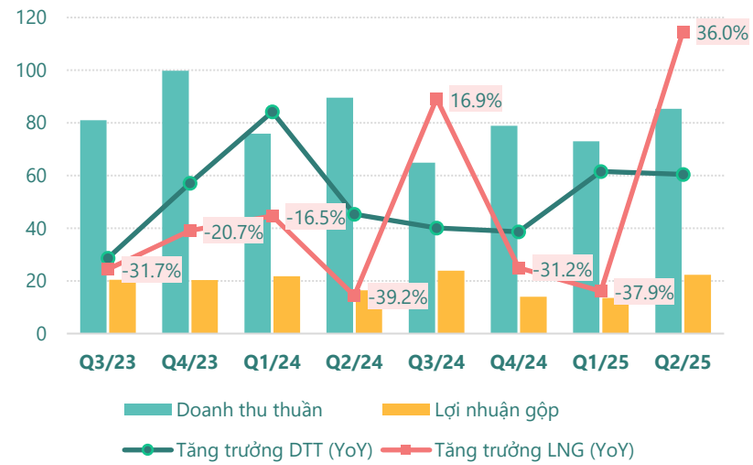
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

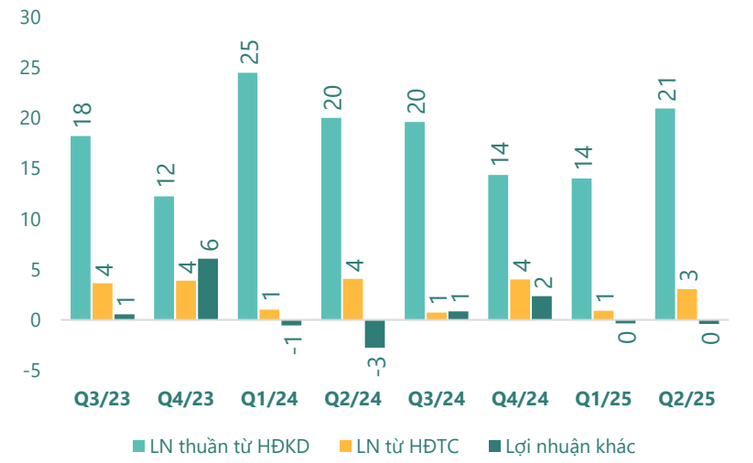
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



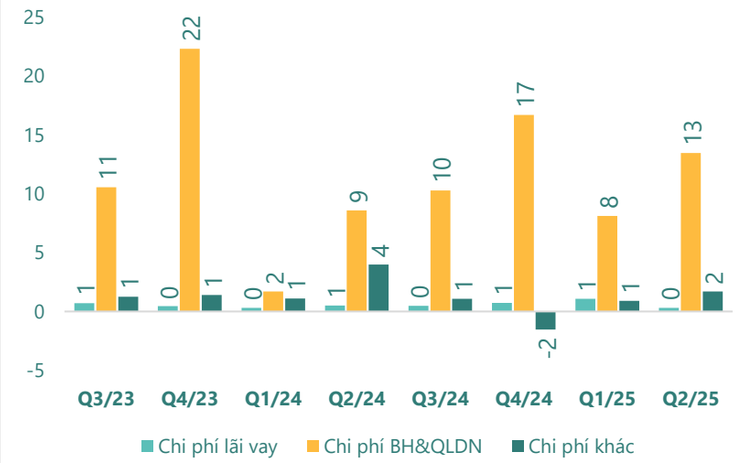
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



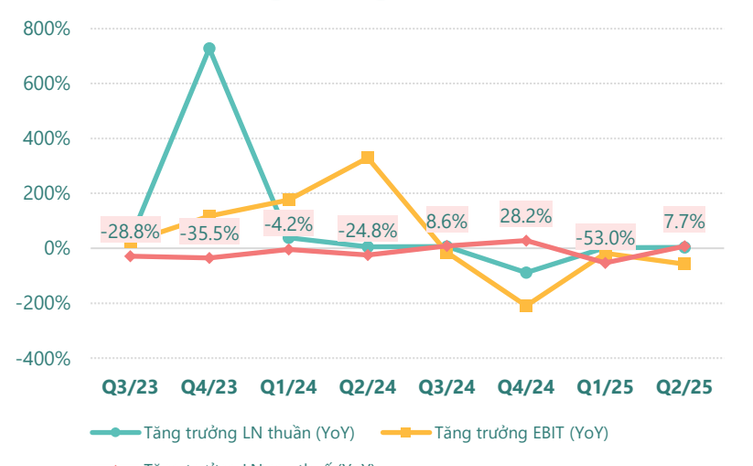
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



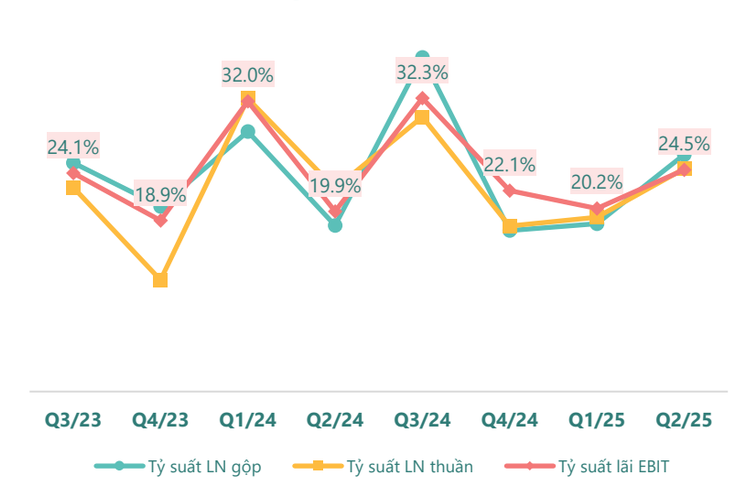
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



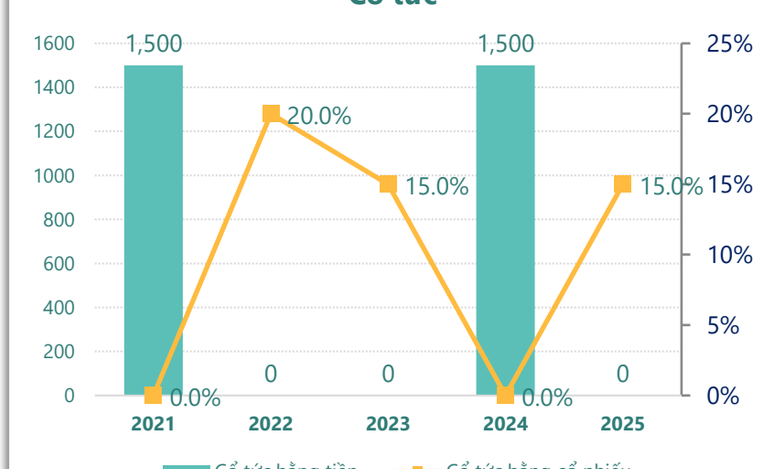
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



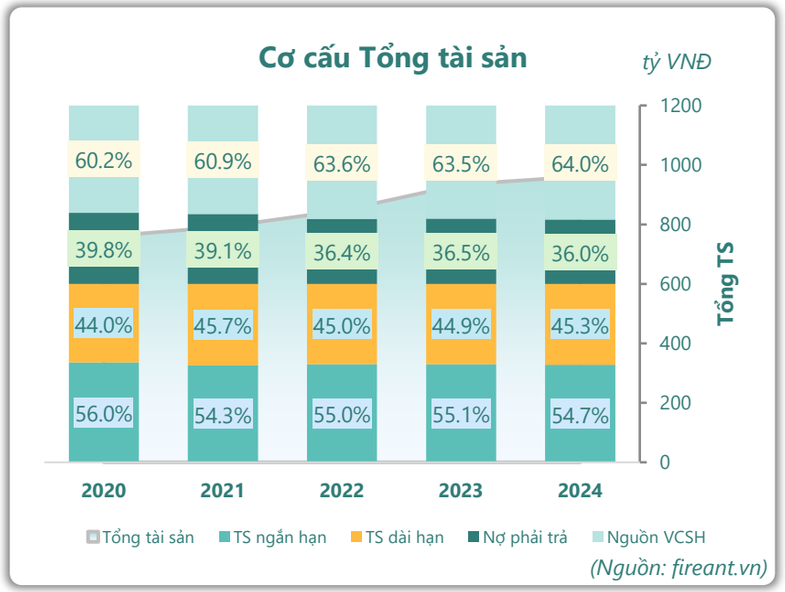
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

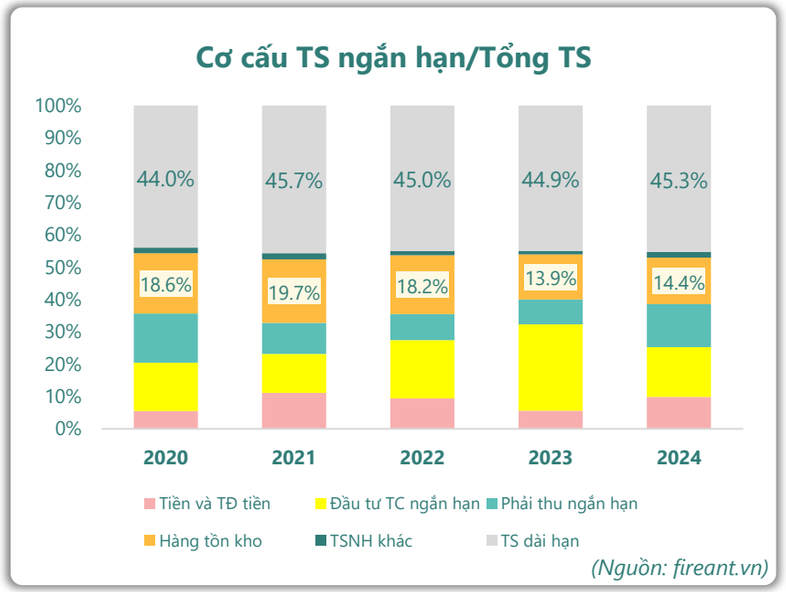


(Nguồn: fireant.vn)

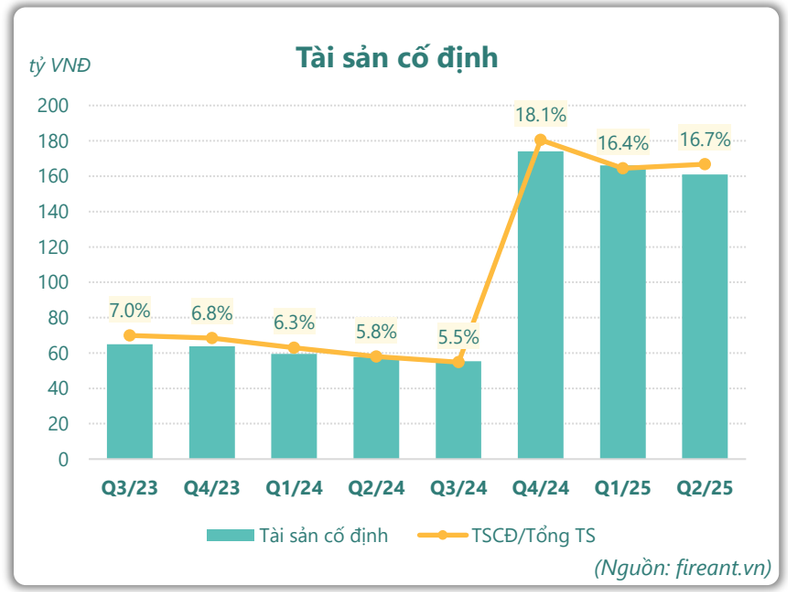
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



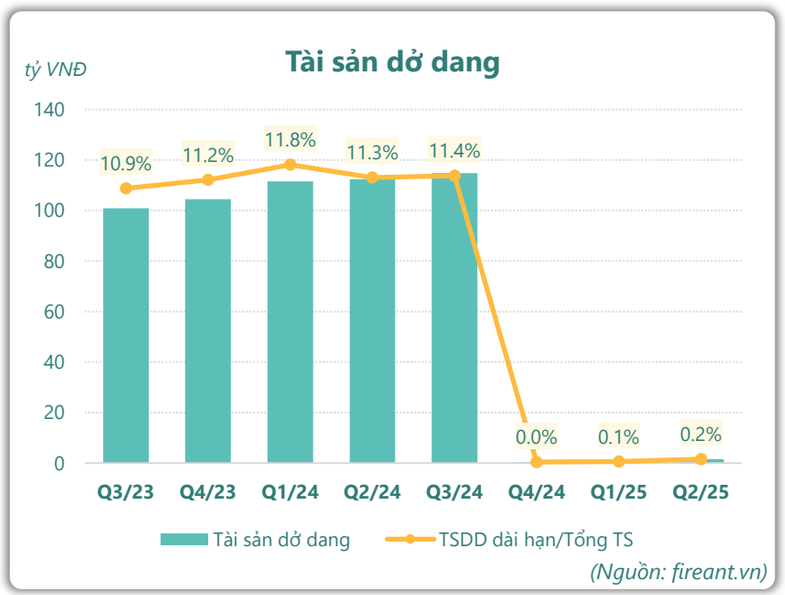
(Nguồn: fireant.vn)



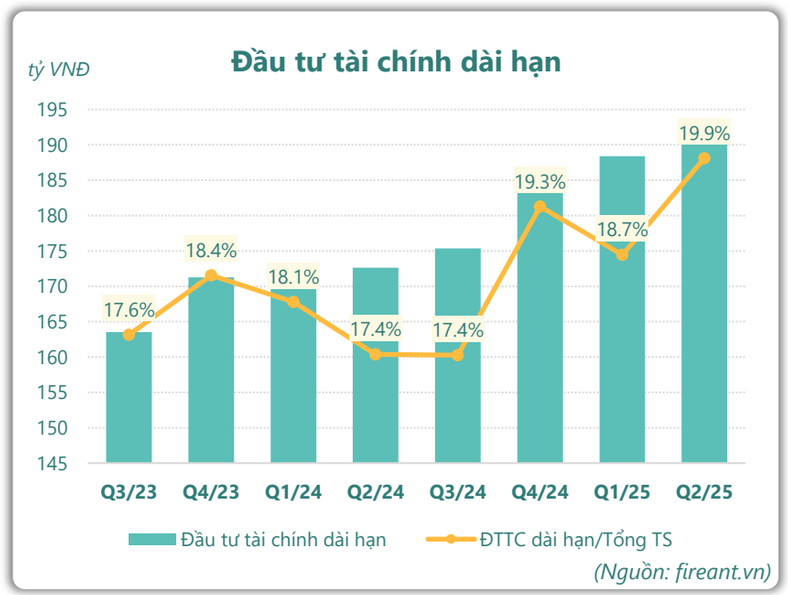
(Nguồn: fireant.vn)



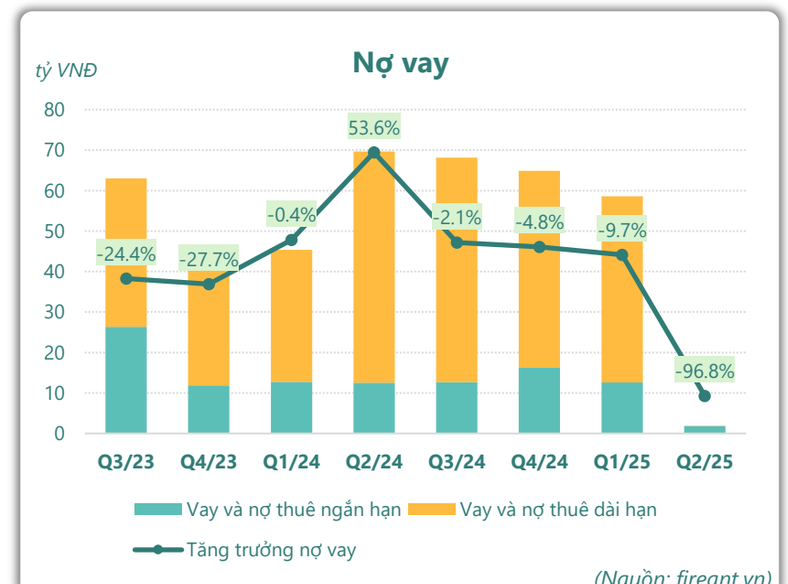
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



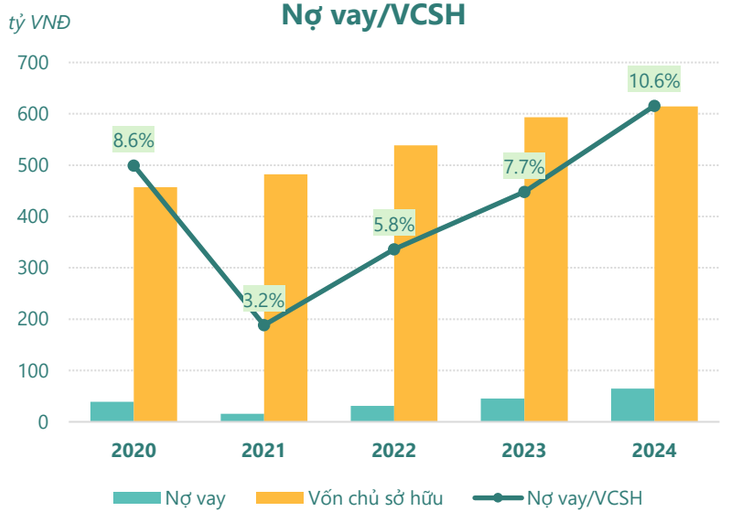
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

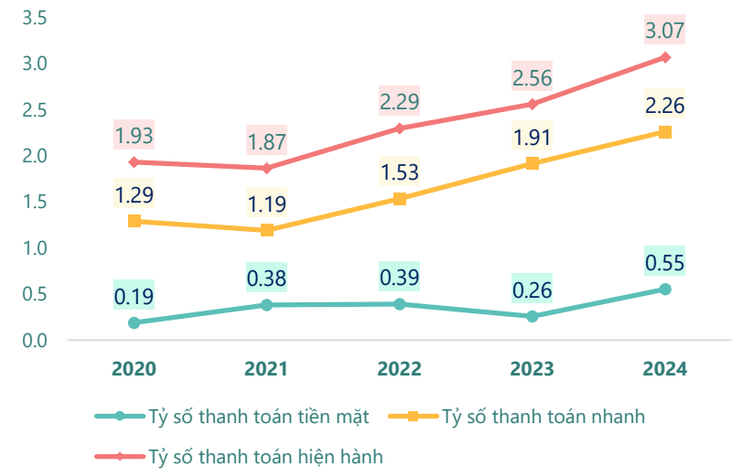
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



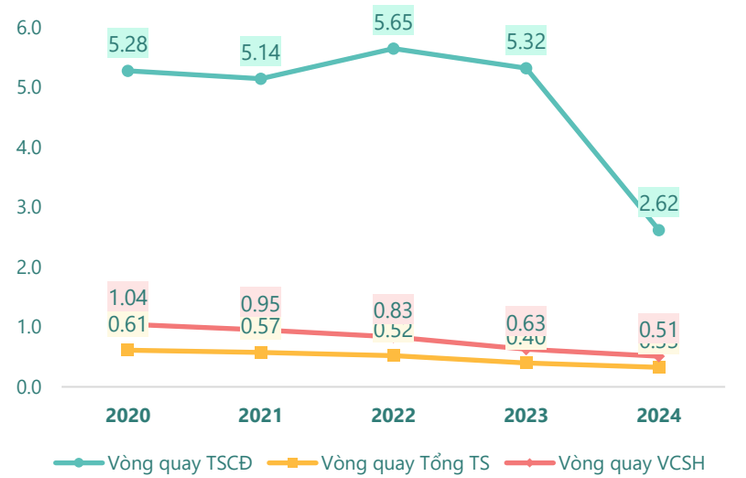
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



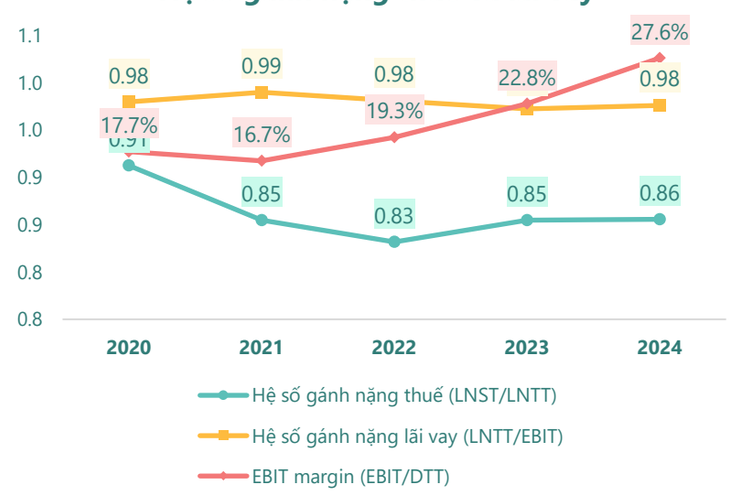
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



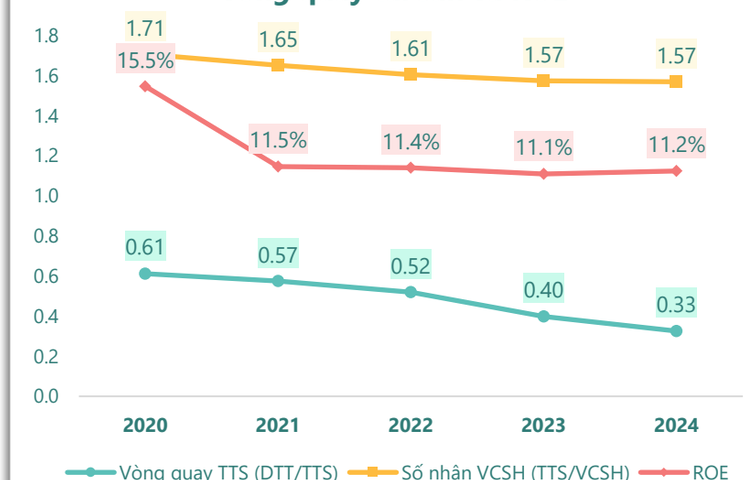
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



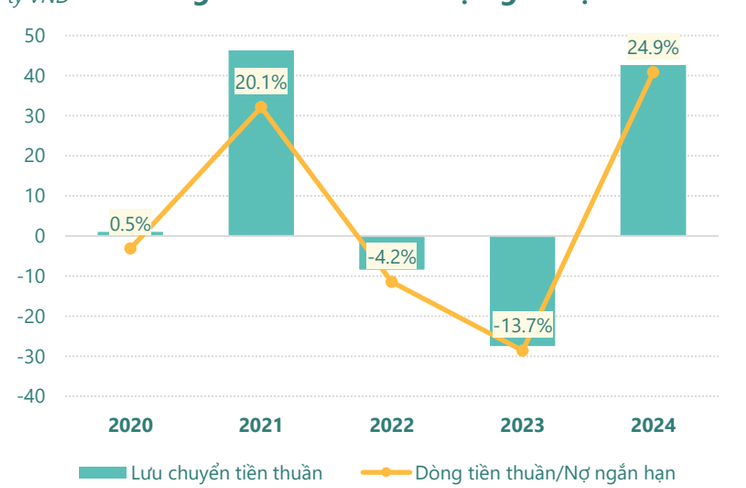
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**85.4**	**89.5**	**-4.6%**	**158**	**165**	**-4.3%**
Giá vốn hàng bán	63.1	73.1	-13.7%	123	127	-3.7%
Lợi nhuận gộp	22.3	16.4	36.0%	35.8	38.1	-6.1%
Doanh thu HĐTC	3.36	4.56	-26.4%	5.33	5.90	-9.6%
Chi phí TC	0.32	0.50	-36.6%	1.38	0.82	69.0%
Chi phí lãi vay	0.32	0.50	-36.6%	1.38	0.82	69.2%
LN trong công ty LKLD	**9.10**	**8.19**	**11.1%**	**16.8**	**11.6**	**44.7%**
Chi phí bán hàng	1.10	1.19	-7.8%	2.86	2.15	33.2%
Chi phí QLDN	**12.4**	**7.42**	**66.7%**	**18.7**	**8.16**	**130%**
LN thuần từ HĐKD	21.0	20.0	4.8%	35.0	44.5	-21.5%
Lợi nhuận khác	**-0.41**	**-2.75**	**85.1%**	**-0.76**	**-3.30**	**77.1%**
LN trước thuế	20.6	17.3	18.8%	34.2	41.2	-17.0%
Lợi nhuận sau thuế	**17.1**	**15.2**	**12.5%**	**28.9**	**34.9**	**-17.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**14.7**	**13.9**	**5.4%**	**26.1**	**33.0**	**-20.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	22.3	37.3	6.36	-112	46.2	37.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	29.6	13.2	8.26	53.3	-50.6	16.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-26.5	21.8	-12.5	-3.70	-6.72	-60.4
Tiền đầu kỳ	52.1	77.6	150	152	94.7	83.6
Lưu chuyển tiền thuần	**25.5**	**72.3**	**2.15**	**-62.2**	**-11.1**	**-6.62**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.03	-0.03	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	77.6	150	152	89.7	83.6	77.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**965**	**961**	**0.4%**
Tài sản ngắn hạn	536	526	2.0%
Tiền và tương đương tiền	77.0	94.7	-18.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	186	148	25.5%
Phải thu ngắn hạn	179	128	39.9%
Hàng tồn kho	89.5	138	-35.3%
Tài sản ngắn hạn khác	5.54	17.1	-67.6%
Tài sản dài hạn	**428**	**435**	**-1.6%**
Phải thu dài hạn	1.24	1.06	16.0%
Tài sản cố định	161	172	-6.5%
Bất động sản đầu tư	46.7	48.6	-3.8%
Tài sản dở dang	1.53	0.40	281%
Đầu tư tài chính dài hạn	192	186	3.0%
Tài sản dài hạn khác	**26.2**	**26.9**	**-2.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	332	346	-4.2%
Nợ ngắn hạn	**168**	**171**	**-1.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.78	16.2	-89.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	29.0	28.6	1.3%
Nợ dài hạn	163	175	-6.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.11	48.6	-99.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**633**	**615**	**3.0%**
Vốn chủ sở hữu	**633**	**615**	**3.0%**
Vốn điều lệ	263	263	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)